

PHÂN TÍCH CƠ CẤU CHI PHÍ KHÁM CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ CHI TRẢ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2019

Nguyễn Thị Thanh Hương¹, Hứa Quang Thành²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Phân tích cơ cấu chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT) tại cơ sở khám chữa bệnh giúp cơ quan quản lý là bảo hiểm xã hội (BHXH) trong việc quản lý nguồn kinh phí BHYT, phát hiện tồn tại trong công tác khám chữa bệnh thông qua khoản mục chi. Mục tiêu của nghiên cứu là mô tả cơ cấu chi phí khám chữa bệnh theo một số chương bệnh có chi phí cao để định hướng trong công tác quản lý. **Đối tượng và phương pháp:** 35.239 phiếu thanh toán của bệnh nhân đến khám và điều trị năm 2019 tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn lưu tại BHXH tỉnh. Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang. **Kết quả:** 35.239 bệnh nhân đến khám và điều trị tại bệnh viện gồm 21 chương bệnh. Tỷ lệ bệnh nhân được chỉ định xét nghiệm là 98,3%. Chi phí tiền giường cao nhất (chiếm 33,6%); tiền phẫu thuật, thủ thuật chiếm 23,7%; tiền thuốc, dịch truyền chiếm 17,6%. Chi phí trung bình/đợt điều trị/bệnh nhân cao nhất là bệnh hệ thần kinh (2,81 triệu đồng). Ba kháng sinh có chi phí cao nhất là kháng sinh cephalosporin thế hệ 3 (ceftizoxime; ceftriaxone) và thế hệ 4 (cefepime). **Kết luận:** Chi phí tiền giường cao trong tổng chi phí khám và điều trị, thuốc kháng sinh cephalosporin thế hệ 3 và thế hệ 4 có chi phí cao trong chi phí tiền thuốc, dịch truyền.

SUMMARY

HEALTHCARE EXPENDITURE ANALYSIS OF LANG SON GENERAL HOSPITAL IN 2019

Background and Objectives: Analyse of healthcare expenditure covered by the insurance within a hospital can help the management agency in managing the health insurance funds, finding existing problems in medical examination and treatment. This study aims to describe the expenditure structure by high-spending disease groups to build management plans. **Methods:** 35239 payment slips of patients at Lang Son General Hospital in 2019 which stored at the provincial social insurance agency were collected. Cross sectional study design was used. **Results:** 35239 patients were divided into 21 disease groups. The proportion of patients indicated to medical tests was 98,3%. The highest cost was hospital bed, accounted for 33,6%, the costs for surgery and procedures accounted for 23,7%, the costs for medicine and infusion accounted for 17,6%. The average cost per course per patient was 2,81 million

VND. The three antibiotics with the highest cost were the 3rd generation cephalosporin (ceftizoxime, ceftriaxone) and 4th generation (cefepime).

Keywords: cost, Lang Son, hospital.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

"Hướng tới thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân" đã được đề cập trong Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII về Tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới^[3]. Hiện nay số người tham gia BHYT là 87,93 triệu người với tỷ lệ bao phủ là 90,85% dân số. Tại Lạng Sơn, tính đến tháng 10/2019 có tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế là 97,3% với số người tham gia BHXH tự nguyện là 8.670 người^[5]. Hàng năm BHXH đã chi trả chi phí khám chữa bệnh theo quy định cho các đối tượng tham gia BHYT đi khám và điều trị. Nhằm nâng cao công tác quản lý chi trả cho đối tượng tham gia BHYT, đồng thời phát hiện những tồn tại trong công tác khám và điều trị tại cơ sở khám chữa bệnh thông qua phân tích cơ cấu chi phí chi trả khám chữa bệnh là cần thiết.

Kết quả khảo sát cơ cấu chi phí khám chữa bệnh BHYT tại bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La năm 2018 cho thấy, với tổng chi phí khám chữa bệnh là 21,88 tỷ đồng thì tiền giường chiếm tỷ lệ cao nhất 40,93%; tiền thuốc, dịch truyền đứng thứ hai với 33,73%^[2].

Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn là Bệnh viện đa khoa hạng I với quy mô 650 giường kế hoạch, năm 2019 bệnh viện đã tiếp nhận 89.844 lượt khám bệnh ngoại trú và 40.333 lượt điều trị nội trú. Hàng năm tổng chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện được BHXH thanh toán là hơn 150 tỷ đồng. Với đặc thù là bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh miền núi phía Bắc nên mô hình bệnh tật của bệnh viện khá đa dạng, một số bệnh có tỷ lệ mắc cao trong mô hình bệnh tật tại bệnh viện năm 2018 gồm: bệnh hệ hô hấp, bệnh hệ tiêu hóa, thai nghén sinh đẻ và hậu sản, bệnh hệ tuần hoàn..., đây là những bệnh thường có thời gian nằm viện dài, chi phí tiền thuốc cao. Nghiên cứu Phân tích cơ cấu chi phí khám chữa bệnh BHYT chi trả tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn năm 2019 nhằm mục tiêu mô tả cơ cấu chi phí khám chữa bệnh và tỷ lệ sử dụng các dịch vụ kỹ thuật chi phí trung bình của một số bệnh mắc nhiều nhất để chỉ ra một số tồn tại trong chi phí

¹Trường Đại học Dược Hà Nội

²Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Thanh Hương

Email: thanhhuong.duochn@gmail.com

Ngày nhận bài: 18.01.2021

Ngày phản biện khoa học: 18.3.2021

Ngày duyệt bài: 29.3.2021

khám chữa bệnh làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp phân bổ kinh phí cho các hoạt động khám chữa bệnh có hiệu quả và kinh tế tại bệnh viện trong những năm tiếp theo.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu. Toàn bộ bảng thống kê chi phí khám chữa bệnh của 35.239

bệnh nhân đến khám và điều trị nội trú tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn năm 2019 lưu tại BHXH tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang
Xử lý số liệu: Tỷ trọng (tỷ lệ %), giá trị trung bình (Mean), phân loại bệnh tật theo ICD X^[1]. phần mềm Excel, STADA.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ cấu bệnh tật tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn năm 2019.

Bảng 3.1. Mô hình bệnh tật tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn năm 2019

Chương bệnh	Mã ICD-X	Tần suất	Tỷ lệ %
Thai nghén, đẻ có can thiệp và hậu sản	O00-O99	5.933	16,84
Bệnh hệ tiêu hóa	K00-K93	4.209	11,94
Chấn thương-ngộ độc	S00-T98	4.160	11,81
Bệnh hệ hô hấp	J00-J99	4.031	11,44
Bệnh hệ tuần hoàn	I00-I99	2.839	8,06
Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	A00-B99	2.152	6,11
Bướu tân sinh	C00-D48	1.747	4,96
Bệnh hệ sinh dục - tiết niệu	N00-N99	1.684	4,78
Bệnh máu và cơ quan tạo máu	D50-D89	1.379	3,91
Bệnh cơ xương khớp và mô liên kết	M00-M99	1.260	3,58
Bệnh da và mô dưới da	L00-L99	963	2,73
Bệnh tai và xương chũm	H60-H95	762	2,16
Bệnh lý xuất phát trong thời kỳ chu sinh	P00-P96	740	2,1
Bệnh mắt và phần phụ	H00-H59	663	1,88
Bệnh nội tiết, dinh dưỡng, chuyển hóa	E00-E90	589	1,67
Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và tiếp xúc dịch vụ y tế	Z00-Z99	554	1,57
Bất thường lâm sàng và cận lâm sàng không phân loại ở phần khác	R00-R99	498	1,41
Bệnh hệ thần kinh	G00-G99	451	1,28
Rối loạn tâm thần, hành vi	F00-F99	379	1,08
Dị tật bẩm sinh	Q00-Q99	140	0,4
Nguyên nhân ngoại sinh của bệnh tật và tử vong	V01-Y98	106	0,3
Tổng cộng		35.239	100

Năm 2019, bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn đã chi trả cho 35.239 lượt bệnh nhân điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn với mô hình bệnh tật của 21 chương bệnh chính. Năm chương bệnh có tỷ lệ cao gồm: thai nghén, đẻ có can thiệp và hậu sản (5.933 lượt bệnh nhân chiếm 16,84%); bệnh hệ tiêu hóa (4.209 lượt bệnh nhân chiếm 11,94%); chấn thương - ngộ độc (4.160 lượt bệnh nhân chiếm 11,81%); bệnh hệ hô hấp (4.031 lượt bệnh nhân chiếm 11,44%); bệnh hệ tuần hoàn (2.839 lượt bệnh nhân chiếm 8,06%).

3.2. Tỷ lệ % bệnh nhân được chỉ định dịch vụ kỹ thuật

Bảng 3.2. Tỷ lệ chỉ định các khoản mục chi phí

Nội dung	Tổng số lượt KCB	Tổng lượt bệnh nhân được chỉ định	% bệnh nhân được chỉ định
(2)	(3)	(4)	(5) = (4)/ (3)*100%
Xét nghiệm	35.239	34.629	98,3
Chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	35.239	24.712	70,1
Phẫu thuật, thủ thuật	35.239	21.981	62,4
Vật tư y tế	35.239	19.074	54,1
Thuốc, dịch truyền	35.239	12.395	35,2
Truyền máu	35.239	2.796	7,9

Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn đã chi định với tỷ lệ bệnh nhân cao đối với một số nội dung như: xét nghiệm (98,3%); chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng (70,1%); phẫu thuật, thủ thuật (62,4%).

3.3. Cơ cấu chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện.

Bảng 3.3: Tỷ lệ về các khoản mục chi phí khám chữa bệnh

Nội dung chi phí	Giá trị (1000 đ)	Tỷ lệ (%)
Tiền giường	51.738.384	33,6
Phẫu thuật, thủ thuật	36.524.676	23,7
Tiền thuốc, dịch truyền	27.166.693	17,6
Tiền xét nghiệm	18.704.377	12,1
Chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	7.348.517	4,8
Máu	6.304.558	4,1
Vật tư y tế	5.554.625	3,6
Tiền khám	777.894	0,5
Tổng chi phí khám chữa bệnh	154.119.726	100

Năm 2019, BHXH tỉnh Lạng Sơn đã chi trả hơn 154 tỷ đồng cho bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn, trong đó tiền giường chiếm tỷ lệ cao nhất 33,6%; tiền phẫu thuật, thủ thuật đứng thứ hai với 23,7%. Tiền thuốc, dịch truyền có giá trị được chi trả chiếm 17,6%.

3.4. Chi phí trung bình/đợt điều trị theo loại dịch vụ kỹ thuật

Bảng 3.4: Chi phí trung bình/đợt điều trị/bệnh nhân

Nội dung	Tổng chi phí (1000 đ)	Tổng lượt bệnh nhân được chi định	Chi phí trung bình /đợt điều trị/bệnh nhân (1000 đ)
(2)	(3)	(4)	(5) = (3)/(4)
Tiền giường	51.738.384	35.239	1.468
Tiền phẫu thuật, thủ thuật	36.524.685	21.981	1.662
Thuốc, dịch truyền	27.166.683	34.665	784
Tiền xét nghiệm	18.704.370	34.629	540
Chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	7.348.509	24.712	297
Chi phí máu	6.304.558	2.796	2.255
Vật tư y tế	5.554.657	27.702	201
Tiền công khám	777.890	714	38
Cộng	154.119.726		

Xem xét chi phí trung bình/đợt điều trị đối với 1 bệnh nhân cho thấy đối với bệnh nhân có phẫu thuật, thủ thuật là 1,662 triệu đồng. Chi phí tiền xét nghiệm không chênh lệch nhiều so với tiền thuốc, dịch truyền (540 nghìn so với 784 nghìn).

3.5. Mười chương bệnh có chi phí tiền thuốc trung bình/đợt điều trị cao nhất/bệnh nhân

Bảng 3.5: Mười chương bệnh có chi phí tiền thuốc cao nhất Đơn vị tính: 1000 đồng

Chương bệnh	Mã ICD-X	Trung bình	Tối đa
Bệnh hệ thần kinh	G00-G99	2.818.080	42.856.452
Bất thường lâm sàng và cận lâm sàng không phân loại ở phần khác	R00-R99	1.821.766	57.248.712
Bệnh cơ xương khớp và mô liên kết	M00-M99	1.638.415	10.854.913
Bệnh hệ tuần hoàn	I00-I99	1.145.358	83.866.418
Bệnh hệ hô hấp	J00-J99	1.102.965	89.538.240
Chấn thương - ngộ độc	S00-T98	1.021.882	35.016.130
Bướu tân sinh	C00-D48	931.271	34.426.348
Bệnh hệ sinh dục - tiết niệu	N00-N99	864.247	24.525.582
Bệnh hệ tiêu hóa	K00-K93	861.140	37.931.063
Dị tật bẩm sinh	Q00-Q99	737.044	58.601.226

Trong 10 chương bệnh có chi phí trung bình tiền thuốc trong 1 đợt điều trị/bệnh nhân, có 3 chương bệnh thường gặp gồm: bệnh hệ thần kinh có tổng chi phí trung bình cao nhất (2,818 triệu đồng); bệnh hệ tuần hoàn (1,145 triệu đồng); bệnh hệ hô hấp (1,102 triệu đồng).

3.6. Mười loại thuốc có chi phí lớn nhất tại bệnh viện

Bảng 3.6 Mười loại thuốc bệnh viện sử dụng trong năm 2019 có chi phí lớn nhất

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nhóm thuốc	Hoạt chất	Tên thuốc	Tổng chi phí
Kháng sinh	Ceftizoxim	Ceftibiotic 1000	1.656.803
	Ceftriaxon	Rocephin 1G I.V.	1.249.472
	Cefepim	Cefeme 1G	929.083
	Tinidazol	Sindazol Intravenous	716.285
	Cefotaxim	Taxibiotic 1000	632.092
	Cloxacillin	Syntarpen	582.133
	Imipenem & cilastatin	Tienam	579.610
Dịch truyền	Natri clorid	Natri clorid 0,9%	750.091
Thuốc giảm đau	Paracetamol	Paracetamol Kabi	539.448
	Aescin	Sodium Aescinate	491.453
	Tổng		8.126.469

Kháng sinh là thuốc có mặt trong danh mục 10 thuốc có chi phí cao đã được BHXH tỉnh thanh toán cho bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn bao gồm một số thuốc như: Ceftibiotic, Rocephin, Cefeme.... Thuốc giảm đau có paracetamol và dịch truyền có Natri clorid cũng được sử dụng với chi phí cao tại bệnh viện.

IV. BÀN LUẬN

Chi phí khám chữa bệnh hợp lý tại cơ sở y tế luôn được các nhà quản lý quan tâm nhằm sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí hiện có, trong đó chủ yếu là nguồn từ BHYT. Xem xét cơ cấu chi phí khám chữa bệnh BHYT từ nguồn dữ liệu của BHXH sẽ giúp nhà quản lý phát hiện những bất cập trong sử dụng thuốc và dịch vụ kỹ thuật tại cơ sở khám chữa bệnh.

Tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn có tỷ lệ bệnh nhân được chỉ định xét nghiệm chiếm 98,3% cho thấy sự cần thiết của các kết quả xét nghiệm trong việc chẩn đoán bệnh, tuy nhiên cần giám sát nhằm tránh lạm dụng xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh. Cơ cấu chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn cho thấy tỷ lệ chi phí tiền giường cao nhất chiếm 33,6%, kết quả này cũng tương tự như bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu với tỷ lệ chi phí tiền giường chiếm tỷ lệ cao nhất (40,93%)^[2] điều này cho thấy thực tế là bệnh nhân đến

khám và điều trị chủ yếu sẽ được chỉ định điều trị nội trú và kéo dài số ngày điều trị.

Chi phí tiền thuốc trung bình đối với 10 bệnh có chi phí cao nhất đã chỉ ra những bệnh có liên quan đến mô hình bệnh tật như: bệnh hệ thần kinh, bệnh hệ tuần hoàn và bệnh hệ hô hấp, bệnh cơ xương khớp, bướu tân sinh. Để giảm chi phí điều trị của một số bệnh thì rất cần sự tham gia của y tế dự phòng trong việc phòng tránh một số bệnh, ngoài ra cũng cần xem xét đến chính sách chi trả cho tầm soát một số bệnh như bướu tân sinh.

Xem xét các hoạt chất có chi phí cao tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn năm 2019 gồm: 7 hoạt chất kháng sinh, dịch truyền, thuốc giảm đau. Một số kháng sinh cần được theo dõi khi sử dụng là các kháng sinh nhóm 2 theo khuyến cáo của WHO như: ceftriaxon, cefotaxim; đặc biệt là kháng sinh thuộc nhóm dự trữ theo khuyến cáo như cefepim^[4]. Kết quả này khuyến nghị bệnh viện cần có chiến lược quản lý sử dụng kháng sinh, xây dựng danh mục kháng sinh cần quản lý theo các mức độ nhằm hợp lý trong sử dụng thuốc.

V. KẾT LUẬN

Năm 2019, BHXH tỉnh Lạng Sơn đã chi trả tổng chi phí khám chữa bệnh cho bệnh viện đa khoa tỉnh hơn 154,119 tỷ đồng cho 21 chương bệnh. Tỷ lệ bệnh nhân được chỉ định xét nghiệm chiếm 98,3%; chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng chiếm 70,1%. Chi tiền giường chiếm cao nhất (33,6%); tiền phẫu thuật, thủ thuật chiếm 23,7%; tiền thuốc, dịch truyền chiếm 17,6%. Ba kháng sinh có chi phí cao nhất gồm: ceftizoxime, ceftriaxon, cefepim. Bệnh viện cần tăng cường quản lý giám sát các dịch vụ kỹ thuật được chỉ định và phân loại kháng sinh theo nhóm để ưu tiên giám sát.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y tế (2015)**, Hướng dẫn sử dụng Bảng phân loại thống kê Quốc tế về bệnh tật và các vấn đề sức khỏe có liên quan phiên bản lần thứ 10 (ICD 10), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thanh Hương, Mai Lương Tiến (2017)**, Khảo sát cơ cấu chi phí khám chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La năm 2018, Tạp chí Y học Việt Nam Số 2 tháng 3 năm 2020; trang 65-69.
- Trung ương (2017)**; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII về Tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới
- WHO (2017)**; Model Lists of Essential Medicines (EML) 20th
- https://baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/hoat-dong-he-thong-bao-hiem-xa-hoi.aspx?CateID = 52&ItemID = 3815**